

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TQ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ- ST
Ngày 25/01/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tiến Hào

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh T Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/10/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/12/2021, giữa:

** Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị C, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn KN, xã ĐV, huyện NH, tỉnh TQ.

** Bị đơn:* Anh Nông Quốc D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn ĐN, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị C trình bày:

Chị và anh Nông Quốc D sau một thời gian quen biết tìm hiểu nhau đến ngày 17/6/2016 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Chị và anh D đều làm lao động tự do, chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vì chị và anh D đi làm công ty ở BN, vẫn chung sống cùng nhau, anh D nghe bạn bè lôi kéo nên đã sử dụng ma túy, dẫn đến vợ chồng chị mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đến

tết nguyên đán 2020 anh D về quê làm ăn, chị vẫn làm việc ở Bắc Ninh, hiện nay tình cảm vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng, chị và anh D sống ly thân từ tháng 1 năm 2021 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với anh Nông Quốc D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nông Nhật D, sinh ngày 29/8/2016 và Triệu Hải M sinh ngày 07/8/2021. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Hải M, anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Nhật D. Chị và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, đất đai, công nợ chung: Chị xác định chị và anh D không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nông Quốc D trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Triệu Thị C sau một thời gian quen biết tìm hiểu nhau đến ngày 17/6/2016 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương vợ chồng anh về chung sống tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ, chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vì vợ chồng anh đi làm công ty ở B N và vẫn ở cùng nhau, anh nghe bạn bè lôi kéo đã sử dụng ma túy và bị nghiện ma túy nên bỏ bê công việc và không quan tâm đến vợ con, vợ anh phát hiện anh sử dụng ma túy nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Cuối năm 2019 anh về quê làm ăn và do dịch bệnh nên thu nhập thất thường dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt thêm, chị C vẫn làm việc ở BN, anh và chị C ly thân từ tháng 1 năm 2021 đến nay, hiện nay chị C và con chung Triệu Hải M đang ở cùng bố mẹ đẻ tại NH, anh làm lao động tự do tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS. Anh xác định vẫn yêu thương vợ con, chị C đề nghị ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nông Nhật D, sinh ngày 29/8/2016, con chung D đang ở cùng anh tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS và T H M sinh ngày 07/8/2021 đang ở cùng chị C. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Hải M, anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Nhật D, anh và chị C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh và chị Ch không có tài sản chung; không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn Đ N, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến khoảng năm 2019 phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay, anh ở địa phương làm lao động tự do còn chị Chiêm đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện NH. Chị C và anh D sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện vợ chồng anh chị không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị C, anh D có 02 con chung là cháu Nông Nhật D,

sinh ngày 29/8/2016, cháu D đang ở cùng anh D; cháu Triệu Hải M sinh ngày 07/8/2021 đang ở cùng chị C. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị C, anh D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị C giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị C, xử cho chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Nông Quốc D. Về con chung: giao con chung Nông Nhật D, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Nông Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Triệu Hải M sinh ngày 07/8/2021 cho chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nông Quốc D có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ nên chị C khởi kiện xin ly hôn với anh D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh D vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nông Quốc D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ, trên cơ sở tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương, như vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị C, anh D về sống tại thôn ĐN, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng chị C, anh D sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2019 phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do anh D sử dụng ma túy nên bỏ bê công việc không quan tâm chăm sóc vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, chị C và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị C và anh D thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C xử cho chị Triệu Thị Ch được ly hôn với anh Nông Quốc D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D có 02 con chung là cháu Nông Nhật D, sinh ngày 29/8/2016 và Triệu Hải M sinh ngày 07/8/2021. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung chị C và anh D có điều kiện như nhau. Hiện nay, cháu D đang ở với anh D còn cháu M đang ở với chị C. Chị C và anh D đều đề nghị Tòa án giao cháu Nông Nhật D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Triệu Hải M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Xét đề nghị của chị C và anh D là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C và anh D, giao con chung Nông Nhật D cho anh Nông Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Triệu Hải M cho chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị C phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Nông Quốc D.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Nhật D, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Nông Quốc D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Hải M sinh ngày 07/8/2021 cho chị Triệu Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Triệu Thị C và anh Nông Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003866 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ. Anh Nông Quốc D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã MB (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Sử Đặng Thị Nga

Nguyễn Văn Toàn

